

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, MÔI GIỚI THẮNG LỢI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, MÔI GIỚI THẮNG LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LOI TRADING, SERVICE, BROKERAGE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110914020

3. Ngày thành lập: 13/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14 Ngõ 103 Phố Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438263462/024366574157 Fax:

Email: 05122024TL@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở)	3900
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
5.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
6.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
8.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311

9.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
10.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Nhóm này gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
13.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4511
14.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4512
15.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4513
16.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.	4520
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
18.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541

19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4543
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
24.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng, nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
25.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn dược liệu, nguyên liệu sản xuất thuốc; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.	4649
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (không hoạt động tại trụ sở)	4659

28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4719
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng, nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
32.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản và danh mục hàng hóa cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện)	4773
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
39.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

40.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830
41.	Đại lý du lịch	7911
42.	Điều hành tua du lịch	7912
43.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
44.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8020
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121(Chính)
46.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
47.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
48.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
49.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
50.	Dịch vụ đóng gói (Loại trừ đóng gói bảo quản dược liệu)	8292
51.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
52.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ Tư vấn du học + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
53.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	8710

54.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác Chi tiết: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	8790
55.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;	9329
56.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
57.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
58.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
59.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
60.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
61.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
62.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình; - Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh;	9639
63.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
64.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
65.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán	6499
66.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao	9311
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
68.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm (không hoạt động tại trụ sở)	0119
69.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
70.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0129

71.	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
72.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; (không hoạt động tại trụ sở)	0149
73.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
74.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)	0161
75.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở)	0162
76.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở)	0163
77.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
78.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
79.	Khai thác thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0311
80.	Khai thác thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở)	0312
81.	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0321
82.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở)	0322
83.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (không hoạt động tại trụ sở)	0891
84.	Khai thác và thu gom than bùn (không hoạt động tại trụ sở)	0892
85.	Khai thác muối (không hoạt động tại trụ sở)	0893
86.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ các khoáng sản thuộc danh mục cấm khai thác và chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở)	0899
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở)	0910

88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (không hoạt động tại trụ sở)	0990
89.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: - Chế biến và bảo quản thịt - Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010
90.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
91.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (không hoạt động tại trụ sở)	1702
92.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	1709
93.	In ấn (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
94.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1812
95.	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
96.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở)	2022
97.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2023
98.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; (không hoạt động tại trụ sở)	2029
99.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
100.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở)	2710
101.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2750

102.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng. (không hoạt động tại trụ sở)	2790
103.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2816
104.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; - Sản xuất máy cung cấp gas (không hoạt động tại trụ sở) (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2819
105.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
106.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	3290
107.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
108.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
109.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
110.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống sử dụng gas công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3320
111.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
112.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
113.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
114.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
115.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
116.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
117.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822

118.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
119.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4791
120.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4799
121.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
122.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
123.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
124.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
125.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Loại trừ các hoạt động có điều kiện hoặc các ngành nghề thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)	5225

126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu - Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải bộ - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5229
127.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
128.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
129.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
130.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: -Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; -Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; -Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; -Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; -Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền	5629
131.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: - Hoạt động của các quán chế biến và phục vụ khách hàng tại chỗ các loại đồ uống như: cà phê, nước sinh tố, nước mía, nước quả, quán chè đỗ đen, đỗ xanh...	5630
132.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6311

133.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (Loại trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi)	6399
134.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
135.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	6810
136.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
137.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	6920
138.	Quảng cáo (Loại trừ các hoạt động, hàng hóa thuộc danh mục ngành nghề, hoạt động cấm kinh doanh)	7310
139.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
140.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
141.	Hoạt động thú y	7500
142.	Cho thuê xe có động cơ	7710
143.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình	7729

144.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
145.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: - Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm); - Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng: + Bằng sáng chế, + Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ, + Nhãn hàng (Loại trừ các hoạt động thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7740
146.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7810
147.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Dịch vụ cho thuê lại lao động (Chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7820

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ TẤN PHONG	Việt Nam	Số 38 Ngõ Cống Tráng, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	15,800	001203023727	

